

Số: 51 /2015/TTLT-BGTVT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng hải để đặt hàng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số 62/2014/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, khai thác, sử dụng thông tin nhận dạng và truy theo tâm xa của tàu thuyền;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng hải để đặt hàng dịch vụ công ích thông tin duyên hải.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng hải để đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đơn vị cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam.

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải là Cục Hàng hải Việt Nam.

c) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 2. Hạ tầng mạng viễn thông hàng hải để cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

Hạ tầng mạng viễn thông hàng hải là tài sản, vật kiến trúc, trang thiết bị phục vụ trực tiếp hệ thống Thông tin duyên hải Việt Nam do Nhà nước đầu tư và giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam quản lý, khai thác, bao gồm:

1. Các Đài Thông tin duyên hải;
2. Đài trung tâm Xử lý thông tin hàng hải Hà Nội;
3. Đài thông tin vệ tinh mặt đất Inmarsat Hải Phòng (LES);
4. Đài thông tin vệ tinh Cospas-Sarsat (LUT/VNMCC);
5. Đài thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT).

Điều 3. Nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng hải để đặt hàng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng hải được chi để đặt hàng dịch vụ công ích cho hệ thống thông tin duyên hải, bao gồm:

a) Cung cấp thông tin cấp cứu, cứu nạn hàng hải theo hệ thống thông tin cấp cứu và an toàn hàng hải toàn cầu (GMDSS): Trục canh thu nhận, xử lý và truyền phát thông tin cấp cứu, khẩn cấp, tìm kiếm cứu nạn 24/24 giờ;

b) Cung cấp thông tin an toàn hàng hải theo GMDSS;

c) Kết nối thông tin ngành hàng hải;

d) Tiếp nhận, xử lý và phân phối dữ liệu báo động Cospas-Sarsat từ Trung tâm điều hành thông tin vệ tinh Cospas-Sarsat của Việt Nam (VNMCC) tới các điểm phối hợp tìm kiếm cứu nạn (SPOC) của Lào và Campuchia;

đ) Quản lý, vận hành, bảo dưỡng đài thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT), bao gồm cả cước sử dụng thông tin LRIT phải trả cho nhà cung cấp dịch vụ sau khi bù trừ với khoản cước sử dụng thông tin LRIT Việt Nam mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam thu được.

2. Phương thức thực hiện: Việc cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải nêu tại khoản 1 của Điều này thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Điều 4. Giá dịch vụ công ích thông tin duyên hải

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật vận hành khai thác và duy tu bảo dưỡng đài thông tin duyên hải do Bộ Giao thông vận tải ban hành, căn cứ

phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Bộ Tài chính ban hành và các chế độ chính sách hiện hành, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam xây dựng phương án giá (bao gồm cả khâu hao cơ bản hệ thống hạ tầng mạng viễn thông hàng hải) trình Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, báo cáo Bộ Giao thông vận tải có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành giá tối đa.

2. Trên cơ sở giá tối đa do Bộ Tài chính ban hành, Bộ Giao thông vận tải duyệt giá cụ thể dịch vụ công ích thông tin duyên hải là giá bình quân cho 01 giờ hoạt động của 01 đài (được tính bằng giá 01 giờ hoạt động của toàn bộ hệ thống chia cho số đài cung cấp dịch vụ).

3. Hồ sơ phương án giá thực hiện theo phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Điều 5. Lập, phân bổ dự toán kinh phí ngân sách đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

1. Lập dự toán:

a) Căn cứ vào khối lượng dịch vụ công ích, nội dung chi nêu tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, giá cụ thể dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm trước đã được ban hành, dự kiến biến động của các yếu tố chi phí đầu vào, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam xây dựng kế hoạch kinh phí cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải cho năm tiếp theo gửi Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b) Trên cơ sở đề xuất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam nêu tại tiết a khoản 1 Điều này, Cục Hàng hải Việt Nam lập dự toán chi ngân sách nhà nước nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng hải để đặt hàng dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm tiếp theo gửi Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 7 hàng năm. Bộ Giao thông vận tải xem xét và tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Phân bổ và giao dự toán:

a) Căn cứ dự toán chi kinh phí cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải hàng năm được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Giao thông vận tải triển khai các bước phân bổ dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính về phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho Cục Hàng hải Việt Nam để chỉ cho việc cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải; đồng thời gửi Bộ Tài chính, Kho bạc nhà nước nơi Cục Hàng hải Việt Nam mở tài khoản giao dịch để phối hợp thực hiện.

Điều 6. Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

1. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải giao và giá cụ thể dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm trước đã duyệt, Cục Hàng hải Việt Nam ký hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam theo quy định. Sau khi giá cụ thể dịch vụ công ích thông tin duyên hải của năm thực hiện được duyệt, Cục Hàng hải Việt Nam ký phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng đặt hàng với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam theo quy định.

2. Hợp đồng đặt hàng phải thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

- a) Danh mục dịch vụ công ích thông tin duyên hải theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này;
- b) Khối lượng dịch vụ công ích thông tin duyên hải;
- c) Chất lượng thực hiện;
- d) Giá dịch vụ công ích thông tin duyên hải (giá bình quân cho 1 giờ hoạt động của 1 đài) và giá trị hợp đồng đặt hàng dịch vụ công ích thông tin duyên hải thực hiện trong năm;
- e) Thời gian thực hiện hợp đồng;
- f) Phương thức tạm ứng, thu hồi tạm ứng;
- g) Phương thức nghiệm thu, thanh toán;
- h) Trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong hợp đồng;
- i) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng;
- k) Các nội dung khác có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải nhưng không trái với các quy định của pháp luật;
- l) Mẫu hợp đồng theo quy định tại phụ lục 01 kèm theo Thông tư này.

3. Việc điều chỉnh hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 7. Nghiệm thu việc cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

Nghiệm thu theo danh mục dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

1. Thời gian nghiệm thu:

- a) Nghiệm thu dịch vụ công ích thông tin duyên hải được thực hiện theo từng Quý trong năm;

b) Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc Quý, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thực hiện cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải trong quý gửi Cục Hàng hải Việt Nam;

c) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu khối lượng, chất lượng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải đã hoàn thành theo hợp đồng đã ký làm cơ sở thanh toán kinh phí đặt hàng theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

2. Nghiệm thu khối lượng:

Nghiệm thu khối lượng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải hoàn thành trên cơ sở kết quả kiểm tra các nội dung sau:

- a) Thời gian trực canh thu nhận, xử lý và truyền phát thông tin cấp cứu, khẩn cấp, tìm kiếm cứu nạn, an toàn - an ninh hàng hải, ... của từng đài;
- b) Số lượng các bản tin cung cấp thông tin an toàn hàng hải của từng đài;
- c) Việc vận hành kết nối thông tin ngành hàng hải;
- d) Việc tiếp nhận, xử lý và phân phối dữ liệu báo động Cospas-Sarsat từ VNMCC tới các SPOC của Lào và Campuchia;
- đ) Việc vận hành đài thông tin dạng và truy theo tầm xa (LRIT);

3. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ theo quy định về tiêu chuẩn dịch vụ hiện hành và mức độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Mẫu biên bản nghiệm thu theo quy định tại phụ lục 02 kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Tạm ứng, thanh toán dịch vụ công ích thông tin duyên hải

1. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước về chi đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải được giao, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước để tạm ứng, thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam theo hợp đồng đặt hàng; Kho bạc nhà nước nơi Cục Hàng hải Việt Nam giao dịch kiểm tra hồ sơ, thực hiện kiểm soát chi trước khi tạm ứng, thanh toán theo hợp đồng đặt hàng.

2. Tạm ứng kinh phí đặt hàng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

a) Sau khi ký hợp đồng đặt hàng, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện các thủ tục tạm ứng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam. Mức tạm ứng tối đa không quá 30% giá trị hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải.

b) Hồ sơ tạm ứng:

- Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng) của Cục Hàng hải Việt Nam;
- Hợp đồng đặt hàng giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Quyết định phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải cho Cục Hàng hải Việt Nam.

3. Thanh toán kinh phí đặt hàng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

a) Định kỳ hàng quý, Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện thanh toán giá trị dịch vụ công ích thông tin duyên hải hoàn thành cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam và thu hồi tiền tạm ứng theo quy định. Việc thu hồi tiền tạm ứng bắt đầu từ lần thanh toán đầu tiên, tỷ lệ thu hồi tạm ứng của từng lần thanh toán tương ứng tỷ lệ giữa số tiền của từng lần thanh toán so với giá trị hợp đồng và thu hồi hết số tiền tạm ứng khi thanh toán lần cuối cùng của năm thực hiện.

b) Hồ sơ thanh toán:

- Quyết định phân bổ dự toán của Bộ Giao thông vận tải cho Cục Hàng hải Việt Nam;
- Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải đã ký giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Biên bản nghiệm thu cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải theo hợp đồng đặt hàng giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp có thanh toán tạm ứng);
- Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (thực chi) của Cục Hàng hải Việt Nam cùng hồ sơ chứng từ hợp pháp khác theo quy định.

Điều 9. Xử lý thừa, thiếu kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải

1. Trường hợp phát sinh tăng khối lượng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải do yêu cầu của cơ quan đặt hàng dẫn đến tăng giá trị phải thanh toán so với hợp đồng đặt hàng đã ký, Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách trong năm để xử lý; trường hợp dự toán trong năm hết, Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị sử dụng dự toán chi đặt hàng năm sau để xử lý.

2. Khi thực hiện phân bổ dự toán kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải hàng năm, Bộ Giao thông vận tải chủ động dành nguồn kinh phí để thanh toán khối lượng phát sinh năm trước, số kinh phí còn lại được phân bổ để thực hiện đặt hàng cho nhiệm vụ năm hiện hành.

Điều 10. Quyết toán thực hiện nhiệm vụ công ích thông tin duyên hải

1. Hàng năm, Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam lập quyết toán hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải gửi Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định. Công ty và cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm trước nhà nước và pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu quyết toán và chịu trách nhiệm bồi hoàn khi thực hiện quyết toán không đúng với quy định.

2. Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ công ích đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam theo quy định.

3. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán nguồn kinh phí đặt hàng do ngân sách nhà nước cấp phát theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán của Cục Hàng hải Việt Nam, gửi Bộ Giao thông vận tải. Bộ Giao thông vận tải thẩm định quyết toán của Cục Hàng hải Việt Nam và tổng hợp chung trong quyết toán của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 11. Trách nhiệm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam

1. Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí do Nhà nước đặt hàng

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam thực hiện cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải theo đúng hợp đồng đã ký và theo quy định của pháp luật, điều ước và thông lệ quốc tế về công tác thông tin an toàn hàng hải.

b) Nguồn kinh phí Nhà nước cấp để đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải là doanh thu hoạt động cung ứng dịch vụ công ích của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam sử dụng để bù đắp chi phí đã thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải; hạch toán kết quả kinh doanh hoạt động cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải, kê khai và nộp thuế theo quy định; thực hiện quản lý tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành phù hợp với loại hình doanh nghiệp đăng ký hoạt động.

2. Quản lý hạ tầng mạng viễn thông hàng hải của Nhà nước

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam được Nhà nước đầu tư vốn, tài sản và nhân lực cần thiết để thực hiện thường xuyên, ổn định cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam được tận dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác để tổ chức hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhưng không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ công ích được giao và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước.

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam có trách nhiệm quản lý, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông hàng hải nêu tại Điều 2 của Thông tư này theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản cố định trong doanh nghiệp. Đồng thời phải quản lý, sử dụng tài sản theo quy định về quản lý tài sản là hệ thống hạ tầng thông tin của nhà nước. Công ty không được thế chấp, cầm cố, góp vốn; việc thanh lý, nhượng bán tài sản phải được sự chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải.

c) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn khấu hao cơ bản đã được tính trong giá dịch vụ công ích thông tin duyên hải để đầu tư, thay thế, bảo toàn hệ thống hạ tầng mạng viễn thông hàng hải đã được nhà nước đầu tư.

3. Hàng năm, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam lập báo cáo tài chính và báo cáo thực hiện nhiệm vụ công ích, gửi Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính theo đúng quy định hiện hành.

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan tài chính, đại diện chủ sở hữu, cơ quan thuế đối với việc sử dụng nguồn kinh phí đặt hàng của nhà nước và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 12 . Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2015 và áp dụng từ năm tài chính 2015.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 81/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải.
3. Trường hợp các văn bản được trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị có liên quan báo cáo về Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỦ TRƯỞNG


Nguyễn Văn Công

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG


Trần Văn Hiếu

Nơi nhận

- Thủ tướng Chính Phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng BCD phòng chống tham nhũng Trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hàng hải VN;
- Kho bạc nhà nước TP Hà Nội;
- Cục thuế Hải Phòng;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải VN;
- Công báo;
- Website Chính Phủ;
- Website Bộ Giao thông vận tải;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Bộ GTVT, Bộ TC.

Phụ lục 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm

Số:/HDKT/.....

Các căn cứ pháp lý
.....

Hôm nay, ngày tháng năm, tại, chúng tôi gồm:

Bên A: Cục Hàng hải Việt Nam

Đại diện theo pháp luật là Ông/Bà..... Chức vụ....
.....

Bên B: Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam

Đại diện theo pháp luật là Ông/Bà..... Chức vụ....
.....

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích Thông tin duyên hải năm với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng và sản phẩm của hợp đồng

1.1. Bên B nhận cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm do Bên A đặt hàng.

1.2. Danh mục dịch vụ, khối lượng, chất lượng, thời gian thực hiện hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm

1.2.1. Danh mục dịch vụ công ích thông tin duyên hải

Chi tiết danh mục tại khoản 1, Điều 3 của Thông tư này.
.....

1.2.2. Khối lượng dịch vụ công ích thông tin duyên hải (số giờ, số đài hoạt động.....)

1.2.3 Chất lượng thực hiện

1.2.4 Thời gian thực hiện hợp đồng: từđến

(các nội dung khác tùy theo tình hình thực tế phát sinh)

Điều 2. Đơn giá và giá trị hợp đồng dịch vụ công ích TTDH

2.1. Đơn giá dịch vụ công ích TTDH.

Đơn giá tạm tính bình quân cho 1 giờ hoạt động của 1 đài (theo đơn giá dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm) là.....đồng và giá trị hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm là:đồng.

Đơn giá chính thức sẽ được điều chỉnh theo giá dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm được cấp có thẩm quyền duyệt.

2.2. Giá trị hợp đồng (tạm tính) làđồng, giá trị hợp đồng sẽ được điều chỉnh căn cứ theo đơn giá chính thức năm được phê duyệt.

2.3. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá có điều chỉnh.

Điều 3. Phương thức tạm ứng, thu hồi tạm ứng và nghiệm thu, thanh toán

3.1. Tạm ứng và thu hồi tạm ứng

3.2. Nghiệm thu hoàn thành cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải
.....

(Trong trường hợp khối lượng dịch vụ công ích thông tin duyên hải không hoàn thành theo hợp đồng thì việc khấu trừ giá trị hợp đồng căn cứ giá bình quân một giờ hoạt động của 01 đài đo cơ quan có thẩm quyền duyệt)

3.3. Thanh toán

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Bên A

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc Bên B thực hiện việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống đài thông tin duyên hải Việt Nam để cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải theo quy định tại Điều 1.

- Chỉ đạo Bên B thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong trường hợp khẩn cấp và thanh toán cho bên B các chi phí phát sinh tương ứng đồng thời trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh giá tương ứng.

- Tổ chức nghiệm thu khối lượng, chất lượng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải hoàn thành cho Bên B theo quy định tại Điều 3.

- Thực hiện thanh toán cho bên B theo khối lượng đã nghiệm thu.

- Quyết toán kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải theo quy định.

-

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết thực hiện cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải năm cho bên A theo đúng hợp đồng và theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế về công tác thông tin an toàn hàng hải, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt 24/24h cho các phương tiện hoạt động trên biển.

- Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của bên A và được thanh toán các chi phí phát sinh tương ứng.

- Báo cáo tình hình thực hiện cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải hàng quý trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

- Chịu trách nhiệm giải trình về toàn bộ hồ sơ dịch vụ công ích của mình trước các cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu.

-

Điều 6. Điều khoản chung

Điều 7. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có giá trị thực hiện kể từ ngàyđến khi thanh lý hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản; bên B giữ 04 bản./.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Phụ lục 02

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CỦA NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
THÔNG TIN DUYÊN HẢI THEO HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG**

Quý năm.....(hoặc Năm)

Căn cứ Thông tư liên tịch số:..... ngày.... tháng....năm của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải.

Căn cứ hợp đồng số:..... ngày....tháng....năm..... giữa Cục Hàng hải Việt Nam và Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., chúng tôi gồm:

Bên A: Cục Hàng hải Việt Nam

Đại diện theo pháp luật là Ông/Bà..... Chức vụ....

Bên B: Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam

Đại diện theo pháp luật là Ông/Bà..... Chức vụ....

Cùng nhau lập Biên bản nghiệm thu việc cung ứng dịch vụ công ích Thông tin duyên hải quý.....(năm.....) theo hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải sốnhư sau:

1. Nghiệm thu khối lượng dịch vụ công ích thông tin duyên hải đã hoàn thành (chi tiết theo từng loại dịch vụ). Trường hợp khối lượng dịch vụ công ích thông tin duyên hải không hoàn thành theo hợp đồng thì việc khấu trừ giá trị hợp đồng căn cứ giá bình quân một giờ hoạt động của 01 đài do cơ quan có thẩm quyền duyệt.

2. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ (chi tiết theo từng loại dịch vụ).

3. Kết luận và kiến nghị

Biên bản này được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Cục Hàng hải Việt Nam giữ 04 bản, Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam giữ 04 bản.

Đại diện bên A

Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu

Đại diện bên B

Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu